

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Làng B Ng, phường Y T, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trịnh Đăng H, sinh năm 1997; Địa chỉ: 60 T K D, phường D H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022). (Có mặt)

2- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1993;

Địa chỉ: 168 H Q V, phường H L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2022, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trịnh Đăng H trình bày:

Giữa chị Lê Thị T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 có quan hệ quen biết nhau. Vì chị T2 cần tiền để giải quyết việc gia đình và lăm ăn nên ngày 19/8/2022 chị T2 đã viết giấy vay của chị T1 số tiền 130.000.000 đồng. Theo giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể, tuy nhiên chị T2 cam kết thanh toán cho

chị T1 số tiền trên theo đúng kì hạn hai bên thỏa thuận là 10.000.000 đồng/tháng hoặc trả một lần cho toàn bộ số tiền gốc khi chị T1 có yêu cầu, khoản vay này không có thỏa thuận về lãi. Sau khi mượn tiền chị T2 không thanh toán tiền cho chị T1 theo đúng cam kết mặc dù chị T1 đã đòi nhiều lần.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền là 130.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi đối với số tiền chậm trả nợ tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền tạm tính là 4.000.000 đồng

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi đối với số tiền chậm trả nợ tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 15/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/4/2023 số tiền là 5.270.000 đồng

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T2:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Nguyễn Thị Thanh T2 đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị T2 tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Thanh T2.

Đơn khởi kiện của chị Lê Thị T1 được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Chị Nguyễn Thị Thanh T2 cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 19/8/2022, chị Nguyễn Thị Thanh T2 có viết giấy vay của chị Lê Thị T1 số tiền 130.000.000 đồng, cam kết sẽ số tiền trên mỗi tháng 10.000.000 đồng hoặc sẽ trả hết khi chị T1 có yêu cầu, khoản vay này không thỏa thuận về lãi. Sau khi viết giấy mượn tiền và nhận tiền chị T2 không trả tiền cho chị T1 như đã cam kết mặc dù chị T1 đã đòi nhiều lần. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đối với số tiền chậm trả nợ tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 15/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/4/2023 số tiền là 5.270.000 đồng.

Xét, giao dịch vay tiền giữa người cho vay là chị Lê Thị T1 với bên vay là chị Nguyễn Thị Thanh T2 là giao dịch dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Do chị T2 vi phạm nghĩa vụ cam kết nên chị T1 khởi kiện là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 đã cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” có nội dung thể hiện ngày 19/8/2022 chị Nguyễn Thị Thanh T2 có mượn của chị Lê Thị T1 số tiền 130.000.000 đồng, chị T2 cam kết sẽ trả đủ số tiền trên, có họ tên chữ ký của chị Nguyễn Thị Thanh T2. Theo chị T1 giấy mượn tiền này do chị Nguyễn Thị Thanh T2 tự viết giao cho chị Lê Thị T1, hai bên không có thỏa thuận về việc trả lãi nên nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Mặc khác từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị T2 không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện chị T2 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T1 là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc chị T2 phải trả cho chị T1 khoản tiền nợ 130.000.000 đồng tiền gốc và 5.270.000 đồng tiền lãi đối với số tiền chậm trả nợ tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 15/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/4/2023.

[4] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39, 70, 72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T1

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải trả cho chị Lê Thị T1 số tiền 135.270.000 đồng, trong đó 130.000.000 đồng nợ gốc và 5.270.000 đồng nợ lãi chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 6.763.500 đồng sung quỹ Nhà nước.

Chị Lê Thị T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Lê Thị T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.350.000 đồng theo biên lai số 0002829, ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Đình Hoàng Doãn Thị Lệ

Nguyễn Thị Hồng Thắm

